

Số: 16/BC -THCS TY

Tây Hoa Lưu, ngày 19 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

(Theo Điều 4 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Trường Yên.

2. Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Hoa, phường Tây Hoa Lưu, tỉnh Ninh Bình.

Số điện thoại: 0966896345

Địa chỉ thư điện tử: hl.thcstruongyen@gmail.com

Trang website: <https://ninhbinh.edu.vn/thcstruongyen>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND phường Tây Hoa Lưu, tỉnh Ninh Bình.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh và thân thiện để phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy của mỗi học sinh.

4.2. Tầm nhìn

Học sinh của nhà trường sẽ trở thành những cá nhân có tư duy độc lập, tham gia tích cực vào học tập suốt đời và giải quyết vấn đề, hướng tới năng lực sử dụng công nghệ thông tin, năng lực số nhằm nâng cao lợi ích của bản thân và quốc gia.

4.3. Giá trị cốt lõi

- Sự tôn trọng
- Tính trung thực
- Lòng khoan dung
- Tinh thần trách nhiệm
- Tình thương yêu
- Sự hợp tác

4.4. Phương châm hành động

“An toàn, hạnh phúc, tiên phong, đổi mới, sáng tạo”

4.5. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, thống nhất trong tư tưởng và hành động, đáp ứng yêu cầu Luật Giáo dục 2019 và Chương trình GDPT 2018.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, bảo đảm sự phát triển hài hòa về Đức – Trí – Thể – Mỹ.

Huy động các nguồn lực để hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, duy trì trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường chuẩn quốc gia mức độ II.

Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, an toàn, hiện đại, tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Xây dựng nhà trường theo mô hình giáo dục hiện đại, phù hợp điều kiện địa phương và xu thế phát triển của đất nước, từng bước khẳng định uy tín và phát triển bền vững.

4.6. Mục tiêu cụ thể

Trên 80% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá xếp loại Khá, Tốt trở lên.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo máy tính; truy cập, khai thác và sử dụng hiệu quả Cổng thông tin điện tử của Ngành và Website của nhà trường trong công tác quản lý, giảng dạy và điều hành.

Ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả trong quản lý nhà trường, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục.

Duy trì 100% sĩ số học sinh, không có học sinh bỏ học; từ 80% trở lên học sinh được xếp loại rèn luyện Tốt, không có học sinh chưa đạt về rèn luyện.

Từ 20% trở lên học sinh được xếp loại học tập mức Tốt (trong đó có ít nhất 07 học sinh xuất sắc); tỷ lệ học sinh chưa đạt dưới 2,5% sau thi lại.

Từ 98% trở lên học sinh lớp 9 hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS.

Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018; tổ chức dạy học 02 buổi/ngày theo đúng quy định; bảo đảm an toàn trường học, không để xảy ra dịch bệnh và các tình huống mất an toàn.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi đạt kết quả tốt, xếp từ thứ 3 trở lên trong phường; kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT và kiểm định chất lượng giáo dục xếp từ thứ 4 trở lên.

Chủ động huy động các nguồn lực xã hội hóa, bổ sung và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018.

Duy trì trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Trường Yên được thành lập tháng 9 năm 1960, tiền thân đặt tại thôn Tân Hoa, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là Tổ dân phố Tân Hoa, phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình). Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, nhà trường không ngừng nỗ lực phấn đấu, từng bước phát triển vững chắc và khẳng định vị thế là một trong những đơn vị giáo dục có uy tín trên địa bàn.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, nhà trường luôn quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng xây dựng đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất và đổi mới công tác quản lý. Tháng 12 năm 2006, Trường THCS Trường Yên được công nhận đạt chuẩn Quốc gia; tiếp tục được công nhận đạt chuẩn Quốc gia lần thứ nhất vào tháng 01 năm 2013 và lần thứ hai vào tháng 11 năm 2018. Tháng 4 năm 2015,

nhà trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3; đến tháng 7 năm 2020, được tái công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đồng thời được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ II theo Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình.

Giai đoạn 2020–2025, thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, Trường THCS Trường Yên tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhà trường nhiều năm liền được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, khẳng định sự ổn định, hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động giáo dục. Đặc biệt, năm học 2020–2021, nhà trường vinh dự được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình tặng Cờ thi đua xuất sắc; năm học 2021–2022, tiếp tục được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình tặng Bằng khen, ghi nhận những đóng góp tích cực của nhà trường đối với phong trào thi đua và sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Cùng với công tác thi đua – khen thưởng, cơ sở vật chất của nhà trường được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện theo hướng đồng bộ, khang trang; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đảm bảo về số lượng, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm và năng lực công tác đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn của nhà trường được duy trì ổn định, có bước phát triển; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS và đỗ tốt nghiệp hằng năm đạt mức cao; công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh được chú trọng, góp phần nâng cao uy tín và niềm tin của phụ huynh, nhân dân đối với nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Trần Quyết Thắng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Trường Yên, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Số điện thoại: 0912896345

Địa chỉ thư điện tử: thangtq.phuongtayhoalu@ninhbinh.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường THCS Trường Yên thành lập tháng 9/1960

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

Hiệu trưởng Trần Quyết Thắng được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 30/08/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoa Lư.

Phó Hiệu trưởng Trần Trung Kiên được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Hoa Lư.

Phó Hiệu trưởng Nguyễn Mạnh Toàn được bổ nhiệm theo Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Hoa Lư.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

a) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường;

Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường;

Nhiệm vụ và quyền của nhà giáo;

Nhiệm vụ và quyền của người học;

Tổ chức và quản lý nhà trường;

Tài chính và tài sản của nhà trường;

Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

c) Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường đã được công khai trên trang webst <https://thestrucnguyen.ninhbinh.edu.vn/co-cau-to-chuc>

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội

đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, ... được lưu giữ tại Văn thư của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(Theo khoản 1 Điều 8 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			
			TS	ThS	ĐH	CĐ
I	Cán bộ quản lý	3	0	01	02	
1	Hiệu trưởng	1			01	
2	Phó Hiệu trưởng	2		01	01	
II	Giáo viên (Trong đó số giáo viên dạy môn:)	26	0	1	25	
1	Toán	5			5	
2	Vật lý	2			2	
3	Hoá học	1			1	
4	Sinh học	1			1	
5	Ngữ văn	6		1	5	
6	Lịch sử	2			2	
7	Địa lý	1			1	
8	GDCD	1			1	
9	Tiếng Anh	3			3	
10	Giáo dục thể chất	1			1	
11	Âm nhạc	1			1	
12	Mĩ thuật	1			1	
13	Tin học	1			1	
III	Nhân viên	1	0	0	1	
1	Nhân viên văn thư					
2	Nhân viên kế toán	1			1	
3	Thủ quỹ					
4	Nhân viên y tế					
5	Nhân viên thư viện					
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm					
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					
Tổng số CBQL, GV, NV		30	0	1	29	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

TT	Nội dung	Tổng số	Hạng chức danh NN			Chuẩn nghề nghiệp			
			Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
I	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1		1		1	0		
2	Phó Hiệu trưởng	2		2		2	0		
II	Giáo viên (Trong đó số giáo viên dạy môn:)	26	8	18	0	2	24	0	0
1	Toán	5	0	5		0	5		
2	Vật lý	2	0	2		0	2		
3	Hoá học	1	1	0		0	1		
4	Sinh học	1	1	1		0	1		
5	Ngữ văn	6	0	6		1	5		
6	Lịch sử	2	0	2		0	2		
7	Địa lý	1	1	0		0	1		
8	GDCD	1	1	0		0	1		
9	Tiếng Anh	3	2	1		0	3		
10	Giáo dục thể chất	1	1	0		0	1		
11	Âm nhạc	1	0	1		0	1		
12	Mĩ thuật	1	1	0		1	0		
13	Tin học	1	1	0		0	1		
Tổng số CBQL, GV		29	8	21	0	5	24	0	0

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

	Số lượng	Số lượng hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên theo quy định	Tỷ lệ
Cán bộ quản lý	3	3	100%
Giáo viên	26	26	100%
Nhân viên	1	1	100%
Tổng	30	30	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

(Theo khoản 2 Điều 8 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Diện tích khuôn viên trường: 8 000 m², diện tích bình quân 8000/645=12,4 m²/học sinh vượt so với quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT là 10 m²/học sinh.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Nội dung	Thực tế của nhà trường	Theo quy định (Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT)	Ghi chú
2.1	Khối phòng hành chính quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	Có 01 phòng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.	Có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	Có 02 phòng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;	Có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.	
3	Văn phòng	Có 01 phòng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.	Bảo đảm có 1 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.	
4	Phòng bảo vệ	Có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	Bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	
5	Khu vệ sinh CB, GV, NV	Có 01 khu; đảm bảo theo quy định	Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/4 chậu xí nhưng không được ít hơn 1; đối với nữ 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/2 chậu xí nhưng không được ít hơn 1. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng đến môi trường.	
6	Khu để xe CB,	Có 02 khu; có mái	Có mái che và đủ chỗ cho	

TT	Nội dung	Thực tế của nhà trường	Theo quy định (Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT)	Ghi chú
	GV, NV	che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.	giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.	
2.2	Khối phòng học tập			
1	Phòng học	Có 15 phòng/15 lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt.	Bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt.	
2	Phòng bộ môn Âm nhạc	Có 01 phòng	Có tối thiểu 01 phòng	
3	Phòng bộ môn Mĩ thuật	Có 01 phòng	Có tối thiểu 01 phòng	
4	Phòng bộ môn Công nghệ	Có 01 phòng	Có tối thiểu 01 phòng	
5	Phòng bộ môn Khoa học tự nhiên	Có 02 phòng	Có tối thiểu 02 phòng	
6	Phòng bộ môn Tin học	Có 02 phòng	Có tối thiểu 01 phòng	
7	Phòng bộ môn Ngoại ngữ	Có 01 phòng	Có tối thiểu 01 phòng	
8	Phòng đa chức năng	Có 01 phòng	Có tối thiểu 01 phòng	
9	Phòng bộ môn Khoa học xã hội	Có 01 phòng	Có tối thiểu 01 phòng	
2.3	Khối phòng hỗ trợ học tập			
1	Thư viện	Có 01 thư viện; thư viện có: kho sách, khu quản lý, khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh.	Có tối thiểu 01 thư viện, mỗi điểm trường có tủ sách dùng chung; thư viện có tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý, khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh.	
2	Phòng thiết bị giáo dục	Có 04 phòng; đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy	Có tối thiểu 01 phòng; đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của	

TT	Nội dung	Thực tế của nhà trường	Theo quy định (Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT)	Ghi chú
		học của toàn trường.	toàn trường.	
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hoà nhập	Có 01 phòng, bố trí ở tầng 1	Bảo đảm có 01 phòng, bố trí ở tầng 1	
4	Phòng truyền thống	Có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị	Bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị.	
5	Phòng Đoàn, Đội	Có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị	Bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thống.	
2.4	Khối phụ trợ			
1	Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường	Có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị	Bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành	
2	Phòng các tổ chuyên môn	Có 02 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị	Có tối thiểu 01 phòng sử dụng chung cho các tổ chuyên môn; đối với trường có quy mô lớn hơn 30 lớp, có tối thiểu 02 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.	
3	Phòng Y tế trường học	Có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh	Bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh	
4	Nhà kho	Có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường	Bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường	
5	Khu để xe học sinh	Có 02 khu; Có mái che; có khu vực để xe học sinh khuyết tật gần lối ra/vào	Có mái che; bố trí khu vực để xe học sinh khuyết tật gần lối ra/vào	
6	Khu vệ sinh học sinh	Có 02 khu vệ sinh; khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số	Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30	

TT	Nội dung	Thực tế của nhà trường	Theo quy định (Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT)	Ghi chú
		lượng thiết bị bảo đảm.	học sinh (trường hợp làm máng tiêu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiêu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường	
7	Công, hàng rào	Khuôn viên của trường ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường	Khuôn viên của trường, điếm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điếm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường	
2.5	Khu sân chơi	Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát	Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát	
2.6	Thể dục thể thao	Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh	Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh	
2.7	Khối phục vụ sinh hoạt	Nhà trường không có khối phục vụ sinh hoạt vì nhà trường không tổ chức nấu ăn, tổ chức nội trú cho học sinh		
2.8	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Hệ thống nước sạch	Đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng	Đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống	

TT	Nội dung	Thực tế của nhà trường	Theo quy định (Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT)	Ghi chú
		nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường	thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường	
2	Hệ thống cấp điện	Bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường	Bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường	
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Bảo đảm theo các quy định hiện hành	Bảo đảm theo các quy định hiện hành	
4	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	Điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường	Điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường	
5	Khu gom rác thải	Có 01 khu gom rác được bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường	Bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường	

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	Khối Lớp	ĐV Tính	Nhu cầu về số lượng theo quy định của Bộ GDĐT	Số lượng Thiết bị hiện có còn sử dụng	Tỉ lệ đáp ứng %
1	6	Bộ	01	0,7	70%
2	7	Bộ	01	0,7	70%
3	8	Bộ	01	0,7	70%
4	9	Bộ	01	0,6	60%

Tổng	04	2,7	67,5%
-------------	----	-----	-------

Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác; thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn tương đối đầy đủ.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1. Danh mục Sách giáo khoa lớp 6

TT	Môn (HĐGD)	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
3	Khoa học tự nhiên 6	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 6	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung	Đại học Sư phạm

6	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Phạm Thị Chinh, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục công dân 6	Cánh Diều	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
12	Tiếng Anh 6	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thuy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam

13	Nội dung giáo dục địa phương lớp 6	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình lớp 6	Phan Thành Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Hải Nam (Chủ biên), Lê Thị Phương Lan, Trần Hoài Phương, Vũ Thị Hồng Nga, Phan Ngọc Huyền, Lê Thị Huệ, Kiều Văn Hoan, Vũ Thị Bích Liên, Nguyễn Lệ Thu, Nguyễn Thị Thuý Vân, Vũ Thị Thu Hằng, Trần Bảo Lâm, Vũ Thị Hồng Ngọc, Phạm Văn Tuyên, Trần Đức Hậu, Vũ Ngọc Hạnh	Đại học Sư phạm
----	------------------------------------	---	--	-----------------

4.2. Danh mục Sách giáo khoa lớp 7

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 7	Ngữ văn 7, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7	Ngữ văn 7, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 7	Toán 7, tập một (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm
	Toán 7	Toán 7, tập hai (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm
3	Tiếng Anh 7	Tiếng Anh 7 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 7	Khoa học tự nhiên 7 (Chân trời)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn	Giáo dục Việt Nam

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		sáng tạo)	Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim Ngân, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Trần Ngọc Thắng, Nguyễn Tấn Trung	
5	Lịch sử và Địa lí 7	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 7	Giáo dục công dân 7 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.	Đại học Huế
7	Âm nhạc 7	Âm nhạc 7 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Lại Thị Phương Thảo, Vũ Ngọc Tuyên.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
8	Mĩ Thuật 7	Mĩ Thuật 7 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Đại học Sư phạm
9	Tin học 7	Tin học 7 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê.	Đại học Sư phạm
10	Công nghệ 7	Công nghệ 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7	Giáo dục thể chất 7 (Kết nối	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn	Giáo dục Việt Nam

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		tri thức với cuộc sống)	Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam
13	Nội dung giáo dục địa phương lớp 7	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình lớp 7	Đinh Văn Khâm (Tổng Chủ biên), Lê Thái Hoà, Vũ Thị Hồng Nga, Lê Xuân Quang (Đồng Chủ biên), Vũ Thị Bích Liên, Trịnh Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Xuân, Lê Thị Huệ, Phan Ngọc Huyền, Lê Thị Phương Lan, Lê Thị Hồng Vân, Trần Hoài Phương, Nguyễn Thị Thuý Vân, Trịnh Hồng Lịch, Nguyễn Lê Thu, Vũ Ngọc Hạnh, Bùi Thị Liên, Vũ Thị Thuý Hương, Trần Bảo Lân, Phan Nguyễn, Phạm Văn Tuyền	Đại học Sư phạm

4.3. Danh mục Sách giáo khoa lớp 8

TT	Môn	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8 Tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 8, Tập 2		Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.	
2	Toán 8, Tập 1	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm
	Toán 8, Tập 2		Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn	

TT	Môn	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
			Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	
3	Tiếng Anh 8	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 8	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thuý Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang	Đại học Huế
5	Lịch sử và Địa lí 8	Kết nối tri thức và cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 8	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Lê Thị Phương, Phạm Xuân Quế, Dương Xuân Quý, Đào Văn Toàn, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tuyết, Ngô Văn Vụ	Đại học Sư phạm
7	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy	Giáo dục Việt Nam
8	Tin học 8	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Phạm Đăng Hải, Nguyễn Đình Hoá, Nguyễn Nguyên Hương, Nguyễn Thanh Tùng	Đại học Sư phạm
9	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn, Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung	Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 8	Cánh Diều	Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyên	Đại học Huế
11	Mĩ thuật 8	Cánh Diều	Phạm Văn Tuyên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đại học Sư phạm

TT	Môn	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam
13	Nội dung giáo dục địa phương lớp 8	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình lớp 8	Đinh Văn Khâm (Tổng Chủ biên), Lê Thái Hoà, Vũ Thị Hồng Nga, Lê Xuân Quang (Đồng Chủ biên), Phạm Minh Đoàn, Vũ Thị Thu Hằng, Vũ Ngọc Hạnh, Lê Thị Huệ, Vũ Thị Thuý Hương, Phan Ngọc Huyền, Lê Thị Phương Lan, Trần Bảo Lân, Trịnh Hồng Lịch, Vũ Thị Bích Liên, Phan Nguyễn, Trần Hoài Phương, Lê Thị Phương, Hoàng Thị Tâm, Nguyễn Lệ Thu, Trịnh Anh Tuấn, Phạm Văn Tuyền, Lê Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Thuý Vân, Nguyễn Thanh Xuân.	Đại học Sư phạm

4.4. Danh mục Sách giáo khoa lớp 9

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân (NXB)
1	Ngữ văn 9	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	
2	Toán 9	Toán 9, Tập 1 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
		Toán 9, Tập 2 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương	

TT	Môn (HĐGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân (NXB)
			Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	
3	Tiếng Anh 9	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục Công dân 9	Giáo dục Công dân 9 Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang, Trần Văn Thắng.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
5	Lịch sử và Địa lí 9	Lịch sử và Địa lí 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 9	Khoa học tự nhiên 9 Cánh Diều	Đình Quang Báo (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Oanh, Dương Xuân Quý (đồng Chủ biên), Lê Mạnh Cường, Phạm Thùy Giang, Vũ Thị Bích Huyền, Nguyễn Hữu Kiên, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Đức Long, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Đinh Trần Phương, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tươi, Dương Bá Vũ, Ngô Văn Vụ.	Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
7	Công nghệ 9	Công nghệ 9 - Định	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ	Nhà xuất bản Giáo dục Việt

TT	Môn (HĐGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân (NXB)
		hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nam
		Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng.	
8	Tin học 9	Tin học 9 Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hoá, Phạm Thị Lan, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
9	Giáo dục thể chất 9	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 9	Âm nhạc 9 Cánh Diều	Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyên.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
11	Mỹ thuật 9	Mỹ thuật 9 Cánh Diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)

TT	Môn (HĐGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân (NXB)
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Nội dung giáo dục địa phương lớp 9	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình lớp 9	Đinh Văn Khâm (Tổng Chủ biên), Lê Thái Hoà, Vũ Thị Hồng Nga, Lê Xuân Quang (Đồng Chủ biên), Vũ Thị Bích Liên, Trịnh Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Xuân, Lê Thị Huệ, Phan Ngọc Huyền, Lê Thị Phương Lan, Lê Thị Hồng Vân, Trịnh Hồng Lịch, Nguyễn Lê Thu, Nguyễn Thị Thuý Vân, Vũ Ngọc Hạnh, Phạm Hồng Minh, Đinh Thị Huyền Nhung, Vũ Thị Thu Hằng, Vũ Thị Thuý Hương, Trần Bảo Lân, Phan Nguyễn, Lê Thị Phương, Phạm Văn Tuyên	Đại học Sư phạm

4.5. Số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sách nghiệp vụ: 433 cuốn
- Sách giáo khoa: 525 cuốn
- Sách tham khảo: 1385 cuốn
- Sách thiếu nhi: 2409 cuốn
- Báo, tạp chí: Thiếu nhi dân tộc, giáo dục Ninh Bình được cập nhật thường xuyên.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Theo khoản 3 Điều 8 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Kiểm định chất lượng đạt Cấp độ 3;

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Kiểm định chất lượng đạt Cấp độ 2; Chuẩn Quốc gia đạt Mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Theo khoản 2, 3 Điều 9 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT: Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước)

1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

1.1. Năm học 2024-2025

Kết quả tuyển sinh lớp 6: 164 học sinh;

Tổng số học sinh theo từng khối:

Khối	Số lớp	Số học sinh	Số học sinh bình quân/lớp	Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	Số HS là người DTTS	Số học sinh khuyết tật	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến
6	4	165	41,00	0	84/81	0	3		1
7	4	182	45,25	0	93/89	3	1		1
8	4	150	37,75	0	80/70	0	1	1	
9	2	103	52,00	0	51/52	3	1	1	1
Tổng	14	600	42,86	0	308/292	6	6	1	1

Từ ngày 10/3/2025 nhà trường tổ chức học 2 buổi/ngày

1.2. Học kỳ I, năm học 2025-2026

Kết quả tuyển sinh lớp 6: 153 học sinh;

Tổng số học sinh theo từng khối:

Khối	Số lớp	Số học sinh	Số học sinh bình quân/lớp	Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	Số HS là người DTTS	Số học sinh khuyết tật	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến
6	4	162	40.50	162	99/63	1	3	1	
7	4	157	39.50	157	80/77	0	3	1	1
8	4	182	45.50	182	93/89	3	1		
9	3	144	48.33	144	75/69	0	1	1	
Tổng	15	645	43.13	645	347/298	4	8	3	1

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

2.1. Năm học 2024-2025

Khối	Sĩ số	Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	165	27	16.36%	60	36.36%	55	33.33%	23	13.94%
7	182	35	19.23%	62	34.07%	67	36.81%	18	9.89%

8	150	32	21.33%	42	28.00%	65	43.33%	11	7.33%
9	103	20	19.42%	32	31.07%	51	49.51%	0	0.00%
Cộng	600	114	19.00%	196	32.67%	238	39.67%	52	8.67%

Khối	Sĩ số	Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	165	124	75.15%	35	21.21%	67	40.61%	11	6.67%
7	182	128	70.33%	38	20.88%	82	45.05%	3	1.65%
8	150	123	82.00%	25	16.67%	72	48.00%	4	2.67%
9	103	89	86.41%	10	9.71%	51	49.51%	0	0.00%
Cộng	600	464	77.33%	108	18.00%	272	45.33%	18	3.00%

Khối	Tổng số HS	Lên lớp		Ở lại lớp	
		SL	%	SL	%
6	165	154	93,4	11	6,6
7	182	179	98,4	3	1,6
8	150	146	97,3	4	2,7
9	103	103	100	0	0
Cộng	600	582	97	18	3

2.2. Học kỳ I, năm học 2025-2026

Khối	Sĩ số	Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	162	29	17.90%	53	32.72%	60	37.04%	20	12.35%
7	157	31	19.75%	51	32.48%	59	37.58%	16	10.19%
8	182	36	19.78%	63	34.62%	70	38.46%	13	7.14%
9	144	28	19.44%	37	25.69%	68	47.22%	11	7.64%
Cộng	645	124	19.22%	204	31.63%	257	39.84%	60	9.30%

Khối	Sĩ số	Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	162	127	78.40%	27	16.67%	8	4.94%	0	0.00%
7	157	135	85.99%	20	12.74%	2	1.27%	0	0.00%
8	182	145	79.67%	33	18.13%	4	2.20%	0	0.00%
9	144	125	86.81%	17	11.81%	2	1.39%	0	0.00%
Cộng	645	532	82.48%	97	15.04%	16	2.48%	0	0.00%

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục

ngành nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Kết quả năm học 2024-2025

Nội dung	Số lượng	Ghi chú
Số lượng học sinh lớp 9	103	
Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình	103	
Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	103	
Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung học phổ thông	103	

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

Nhà trường không thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

(Theo khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT: Thu, chi tài chính)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp: 9.792.578.200 đồng

- Nguồn học phí: 776.573.500 đồng

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Chi lương và các khoản phụ cấp: 7.235.703.312 đồng

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản: 502.138.080 đồng

- Chi chuyên môn, nghiệp vụ: 490.857.620 đồng

- Chi khác: 1.833.201.268 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí năm 2025: 466.698.000 đồng

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

- Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trường THCS Trường Yên tiếp tục giữ vững và khẳng định vị thế là đơn vị có chất lượng giáo dục toàn diện, ổn định trên địa bàn phường Tây Hoa Lư.

Nhà trường duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS, bảo đảm 100% học sinh trong độ tuổi được huy động ra lớp và hoàn thành chương trình học tập theo kế hoạch. Công tác đầu tư cơ sở vật chất được quan tâm; hệ thống phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy.

Chất lượng giáo dục đại trà được duy trì ổn định. Kết quả học tập học kỳ I cho thấy tỷ lệ học sinh được xếp loại Tốt và Khá chiếm trên 50%. Kết quả rèn luyện của học sinh có chuyển biến tích cực, với trên 80% học sinh được xếp loại Tốt.

Nhà trường đạt giải Ba toàn phường tại Cuộc thi Nghiên cứu khoa học; tổ chức 04 chuyên đề chuyên môn, trong đó có 01 chuyên đề cấp Cụm chuyên môn THCS số 21, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên.

Các câu lạc bộ học sinh được duy trì và hoạt động hiệu quả, tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực và kỹ năng sống cho học sinh. Công tác quản lý, chỉ đạo của Ban Giám hiệu được thực hiện linh hoạt, kịp thời; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học ngày càng hiệu quả. Học sinh tích cực tham gia các sân chơi trí tuệ như Violympic, IOE, VioEdu.

Về cơ sở vật chất, nhà trường có hệ thống phòng học, khuôn viên tương đối hoàn thiện, khang trang; trang thiết bị dạy học đáp ứng khá tốt yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động giáo dục với hình thức và nội dung phong phú, hấp dẫn, đáp ứng tốt mục tiêu phát triển năng lực, rèn luyện phẩm chất và kỹ năng cho học sinh; đồng thời xây dựng và duy trì hiệu quả các tiêu chí “Trường học Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn – Hạnh phúc”.

Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ và đột xuất theo kế hoạch của UBND phường Tây Hoa Lư, Sở Giáo dục và

Đào tạo Ninh Bình và Cụm chuyên môn THCS số 21. Năm học vừa qua, nhà trường có 01 giáo viên đại diện cho phường tham gia Hội thi An toàn giao thông cấp tỉnh.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của trường THCS Trường Yên.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường;
- CBGV, NV;
- Trang Website nhà trường;
- Lưu VT; Hồ sơ Công khai.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trần Quyết Thắng